

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ MỚI,  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 212/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 22/9/2020  
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi  
con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hà Huy Phong

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Đức Thụy

Bà Đặng Thị Kim Xuyên

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 550/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 496/2020/QĐ-ST ngày 26/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 511/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11/9/2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Hà Thị Mỹ L, sinh năm 1973; địa chỉ: số 162, tổ 7, ấp Mỹ Thạnh, xã N.M, huyện C.M, tỉnh An Giang, (Có mặt).

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1968; địa chỉ: ấp Long Phú 1, xã L. Đ. B, huyện C.M, tỉnh An Giang, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/7/2020, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Hà Thị Mỹ L trình bày: bà và ông Nguyễn Văn C quen biết, tổ chức đám cưới và sống chung với nhau từ năm 1995, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Cả hai chung sống hạnh phúc thì đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân và anh C đi làm tại tỉnh B.D cho đến nay, tình cảm không còn bà L xin ly hôn với ông Nguyễn Văn C với lý do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, đã ly thân 6 năm nay.

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Khắc H, sinh ngày 23/11/1996 và Nguyễn Thị H.M, sinh ngày 30/3/2005. Hiện nay, cháu Khắc H đã

trưởng thành không yêu cầu xem xét, cháu H. M đang sống cùng bà L. Sau khi ly hôn bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu H.M, không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, mời các bên đến phiên họp hòa giải để động việc vợ chồng hàn gắn những bất đồng quan điểm, chung sống với nhau nhưng ông C đều vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/8/2020, ông C thống nhất hoàn toàn với các ý kiến, yêu cầu khởi kiện của bà L, ông xác định giữa ông và bà L không có đăng ký kết hôn theo quy định. Về con chung H.M đang sống cùng bà L. Sau khi ly hôn anh đồng ý cho bà L được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu H.M, ông C không cấp dưỡng nuôi con chung.

Tuy nhiên do anh bận đi làm ăn xa nên ông C có đơn xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Tại Công văn số 132/UBND-VP ngày 21/8/2020 của UBND xã L.Đ. B và Công văn số 599/UBND ngày 28/8/2020 của UBND xã N.M, phúc đáp yêu cầu cung cấp thông tin tình trạng kết hôn đều xác định giữa ông Nguyễn Văn C và bà Hà Thị Mỹ L không có thông tin về đăng ký kết hôn theo quy định.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt. Việc các bên không có đăng ký kết hôn nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo luật định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về tố tụng. Bị đơn C có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa có cơ sở xác định bà Hà Thị Mỹ L và ông Nguyễn Văn C không có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật, thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến 2015 thì bất đồng quan điểm, sống ly thân đến nay. Do hôn nhân giữa các bên không có đăng ký kết hôn nên không được pháp luật bảo vệ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Khắc H, sinh ngày 23/11/1996 và Nguyễn Thị H.M, sinh ngày 30/3/2005. Hiện nay, cháu Khắc H đã trưởng thành không yêu cầu xem xét, cháu H.M đang sống cùng bà L. Sau khi ly hôn, bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu H.M, không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Từ khi ly thân cho đến nay, cháu M sống với bà L vẫn phát triển tốt về mọi mặt, cháu M có nguyện vọng sống cùng bà L. Để ổn định cuộc

sống cho cháu M đề nghị nên giao cho cháu M cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ các Điều 14, 53, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, xem xét, quyết định:

Không công nhận bà Hà Thị Mỹ L và ông Nguyễn Văn C là vợ chồng.

Bà Hà Thị Mỹ L được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Hà My, ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ tranh chấp: nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn được xác định là quan hệ tranh chấp về “*ly hôn, nuôi con*” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại xã Long Điền B, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bận đi làm xa, có đơn xin Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: bà Hà Thị Mỹ L và ông Nguyễn Văn C quen biết, có tổ chức đám cưới, chung sống từ năm 1995 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án, ông C và bà L đều xác định anh, chị không có đăng ký kết hôn theo quy định.

Tại Công văn số 132/UBND-VP ngày 21/8/2020 của UBND xã L.Đ.B và Công văn số 599/UBND ngày 28/8/2020 của UBND xã N.M, phúc đáp yêu cầu cung cấp thông tin tình trạng kết hôn đều xác định giữa ông Nguyễn Văn C và bà Hà Thị Mỹ L không có thông tin về đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân của ông, bà là không hợp pháp.

Từ thời điểm chung sống với nhau, cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì mâu thuẫn ông C bỏ đi làm ăn xa (tại tỉnh Bình Dương) không còn quan tâm đến cuộc sống của bà L, và các con. Giữa anh C và chị L không liên lạc qua lại từ thời điểm đó cho đến nay. Cuộc sống vợ chồng không còn mục đích xây dựng gia đình mà ở đó có sự yêu thương, quan tâm và chăm sóc lẫn nhau về vật chất lẫn tinh thần.

Chị L yêu cầu được ly hôn, ông C có lời khai đồng ý với yêu cầu của bà L. Hội đồng xét xử xác định hôn nhân giữa ông, bà là không hợp pháp, các bên không đăng ký kết hôn theo quy định nên cần thiết không công nhận ông C và bà L là vợ chồng.

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Khắc H, sinh ngày 23/11/1996 và Nguyễn Thị H.M, sinh ngày 30/3/2005. Hiện nay, cháu Khắc H đã trưởng thành không yêu cầu xem xét, cháu H.M đang sống cùng bà L. Sau khi ly hôn, các bên thống nhất để bà L tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu H.M, cháu Hà M cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ,

Dó đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Nguyễn Thị H.M cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành; ông C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Hà Thị Mỹ L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 8 Điều 28; điểm b khoản 2 Điều 227 khoản 4 Điều 147; Điều 271, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: không công nhận bà Hà Thị Mỹ L và ông Nguyễn Văn C là vợ chồng.

2. Về con chung: giao con chung tên Nguyễn Thị Hà My, sinh ngày 30/3/2005 cho bà Hà Thị Mỹ L tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành; ông C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Hà Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng bà L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008664 ngày 02/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, bà L đã nộp xong.

5. Quyền kháng cáo: Bà Hà Thị Mỹ L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Huy Phong**